



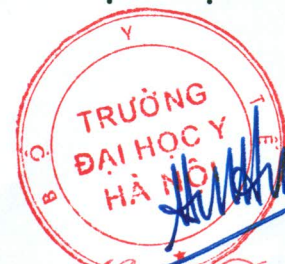
KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO THI TUYỂN CAO HỌC - BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2014

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Chuyên ngành	Môn PT	Điểm trước PT	Điểm sau PT	Ghi chú
1	Hoàng Thị Quyên	10/07/1990	Nam Định	NT-022	Chẩn đoán hình ảnh	Anh B	44.00	44.00	
2	Trần Tuấn Anh	29/09/1983	Phú Thọ	CH-420	Ngoại khoa	Giải phẫu	3.50	3.50	
3	Nguyễn Trung Thành	26/08/1986	Thanh Hóa	CH-499	Nhãn khoa	Giải phẫu	3.75	3.75	
4	Nguyễn Thanh Sơn	25/12/1983	Nghệ An	CH-529	Răng Hàm Mặt	Giải phẫu	2.75	2.75	
5	Đồng Thanh Thiện	26/09/1987	Bắc Giang	CH-533	Răng Hàm Mặt	Giải phẫu	2.25	2.25	
6	Vũ Hải Linh	24/03/1987	Thái Bình	CH-633	Ung thư	Giải phẫu bệnh	3.25	4.75	
7	Vũ Hải Long	01/08/1990	Hưng Yên	NT-076	Ngoại khoa	Ngoại khoa	6.00	6.00	
8	Nguyễn Trung Nam	16/03/1990	Gia Lai	NT-079	Ngoại khoa	Ngoại khoa	6.50	6.50	
9	Nguyễn Văn Kỳ	05/12/1989	Thanh Hóa	NT-074	Ngoại khoa	Ngoại khoa	6.50	6.50	
10	Đào Đăng Sơn	28/11/1990	Nam Định	NT-091	Ngoại khoa	Ngoại khoa	6.50	6.50	
11	Nông Việt Dũng	09/12/1988	Tuyên Quang	NT-194	Ung thư	Ngoại khoa	5.75	6.00	
12	Lê Văn Thắng	07/03/1990	Nghệ An	NT-097	Ngoại khoa	Ngoại khoa	6.50	6.50	
13	Bùi Văn Dương	21/12/1990	Hải Phòng	NT-037	Ngoại khoa	Ngoại khoa	6.50	6.50	
14	Đào Thị Thu Hà	12/05/1990	Hải Phòng	NT-041	Nhãn khoa	Ngoại khoa	6.25	6.25	
15	Trần Thị Anh Thơ	12/12/1990	Nghệ An	NT-213	Ung thư	Ngoại khoa	6.00	6.00	
16	Nguyễn Văn Điệp	09/11/1990	Bắc Ninh	NT-058	Ngoại khoa	Ngoại khoa	6.50	6.50	
17	Hoàng Thị Quyên	10/07/1990	Nam Định	NT-022	Chẩn đoán hình ảnh	Ngoại khoa	7.00	7.00	
18	Nguyễn Minh Hải	22/10/1990	Hà Nội	NT-043	Nhãn khoa	Ngoại khoa	6.50	6.50	
19	Nguyễn Minh Hiền	31/08/1989	Hà Nội	NT-046	Nhãn khoa	Ngoại khoa	4.25	4.25	
20	Trần Thị Thanh Hiền	22/06/1990	Hà Tĩnh	NT-047	Nhãn khoa	Ngoại khoa	6.25	6.25	
21	Tạ Thị Thủy	24/06/1990	Nghệ An	NT-025	Chẩn đoán hình ảnh	Ngoại khoa	6.50	6.50	
22	Đào Thị Huế *	16/06/1989	Hưng Yên	NT-114	Sản Phụ khoa	Ngoại khoa	4.75	4.75	
23	Nguyễn Duy Anh	06/02/1990	Hà Nội	NT-030	Ngoại khoa	Ngoại khoa	5.75	5.75	
24	Hoàng Thị Kiều	17/02/1989	Ninh Bình	NT-344	Gây mê hồi sức	Nhi khoa	4.50	4.50	
25	Lương Thị Phương Thúy	19/11/1990	Thanh Hóa	NT-289	Nhi khoa	Nhi khoa	6.25	6.25	
26	Bùi Văn Chiêu	02/06/1990	Thái Bình	NT-250	Nhi khoa	Nhi khoa	6.00	6.25	

27	Nguyễn Toàn Thắng	15/10/1990	Hà Nội	NT-284	Nhi khoa	Nhi khoa	6.50	6.50
28	Trần Hoàng Long	09/11/1990	Hà Nội	NT-235	Tim mạch	Nhi khoa	4.75	4.75
29	Nguyễn Thị Thu Hà	24/02/1990	Bắc Giang	NT-301	Nội khoa	Nội khoa	6.75	7.00
30	Hoàng Thị Dệt	29/09/1990	Nam Định	NT-223	Giải phẫu bệnh	Nội khoa	6.50	6.50
31	Đào Đăng Sơn	28/11/1990	Nam Định	NT-091	Ngoại khoa	Sản phụ khoa	4.50	4.50
32	Nguyễn Thanh Ngà	09/04/1989	Vĩnh Phúc	NT-129	Sản Phụ khoa	Sản phụ khoa	5.50	6.50
33	Phạm Thị Yên	20/04/1990	Hải Dương	NT-132	Sản Phụ khoa	Sản phụ khoa	6.75	7.00
34	Hoàng Thị Quyên	10/07/1990	Nam Định	NT-022	Chẩn đoán hình ảnh	Sản phụ khoa	5.75	5.75
35	Nguyễn Minh Hiền	31/08/1989	Hà Nội	NT-046	Nhãn khoa	Sản phụ khoa	4.75	4.75
36	Nguyễn Thị Hiền	30/08/1990	Hưng Yên	NT-124	Sản Phụ khoa	Sản phụ khoa	6.50	6.50
37	Hồ Minh Hòa	09/08/1990	Quảng Bình	NT-128	Sản Phụ khoa	Sản phụ khoa	6.25	6.25
38	Trương Đắc Cường	15/06/1990	Nghệ An	NT-229	Tim mạch	Sinh lý học	3.00	3.00
39	Trần Hoàng Long	09/11/1990	Hà Nội	NT-235	Tim mạch	Sinh lý học	6.75	7.25
40	Nguyễn Ngọc Bình *	20/11/1990	Hải Dương	NT-142	Hồi sức cấp cứu	Sinh lý học	3.00	3.00
41	Phạm Công Khắc	02/05/1983	Hà Nam	CH-781	Nhi khoa	Sinh lý học	6.75	6.75
42	Lưu Xuân Hào	02/05/1974	Thái Bình	CH-723	Nội khoa	Toán	2.00	2.00
43	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	22/08/1982	Bắc Ninh	CH-701	Thần kinh	Toán	3.75	3.75
44	Thái Mỹ Lan	06/01/1987	Hà Nội	CH-521	Răng Hàm Mặt	Toán	8.25	8.25
45	Trần Thị Oanh	13/01/1979	Nam Định	CH-793	Nhi khoa	Toán	6.00	6.00
46	Tăng Đức Cương	03/12/1981	Hải Dương	CH-575	Sản Phụ khoa	Toán	2.75	2.75
47	Phạm Minh Hiếu	25/10/1990	Yên Bái	NT-066	Ngoại khoa	Toán NT	4.25	4.75

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH


Nguyễn Đức Minh